

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07-01-2019

V/v Ly hôn và tranh chấp chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Hợp

2. Bà Cao Thị Chính

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Mỹ Trinh - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Lâm - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm: 1969 (có mặt)

Địa chỉ: 70/13 Hàn Mạc Tử, Tp. Q, Bình Định.

2. *Bị đơn:* Anh Đinh Văn T - Sinh năm: 1966 (có mặt)

Địa chỉ: 89 Ngô Mây, Tp.Q, Bình Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T: Ông Hồ Văn H - Luật sư cộng tác viên của Trung Tâm tư vấn pháp luật Hội Luật gia tỉnh Bình Định (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Anh Nguyễn Văn H - Sinh năm: 1971 (có đơn xin vắng mặt)

3.2. Chị Võ Thị Thanh B - Sinh năm: 1972 (có đơn xin vắng mặt)

Đồng địa chỉ: Tổ 16, KV3, P.G, thành phố Q, Bình Định.

3.3. Chị Đinh Thị Thanh T – Sinh năm: 1991 (có đơn xin vắng mặt)

3.4. Anh Nguyễn Bá H – Sinh năm: 1985 (có đơn xin vắng mặt)
 Đồng địa chỉ: 70/13 Hàn Mặc Tử, thành phố Q, Bình Định

3.5. Bà Văn Thị N – Sinh năm: 1930 (Có đơn xin vắng mặt)
 Địa chỉ: 91 Ngô Mây, phường N, thành phố Q

3.6. Anh Nguyễn Ngọc N – Sinh năm: 1984 (có đơn xin vắng mặt)
 Địa chỉ: 1085/20 Trần Hưng Đạo, thành phố Q, Bình Định

3.7. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Trụ sở: số 198 Trần Quang Khải, Quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Duy H – Trưởng phòng giao dịch Phù Cát thuộc Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Q (Ông H có đơn xin vắng mặt).

(Theo văn bản ủy quyền số 311A/UQ-VCB-QNH-XMLN ngày 21/5/2018).

Trụ sở chi nhánh: 433 Lạc Long Quân, P. T, Tp. Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đinh Văn T đăng ký kết hôn số 29/26.04.2, ngày 26/4/1989 tại UBND phường Q, Tp. Q, tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường đến tháng 9/2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống nên tình cảm vợ chồng không còn và đã tự sống ly thân từ năm 2016 đến nay không ai quan tâm đến ai.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nữa. Chị cương quyết xin ly hôn anh T để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Đinh Thị Thanh T, sinh ngày: 10/4/1991, sức khỏe bình thường, hiện nay đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Năm 2003 vợ chồng có mua 01 ngôi nhà và đất tại 89 Ngô Mây, Tp. Q theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3701040154 ngày 11/10/1997 do UBND tỉnh Bình Định cấp đứng tên Đinh Văn T, Nguyễn Thị T, có diện tích 38,58m² mà hiện nay anh T đang quản lý, sử dụng và giá trị xây dựng ngôi nhà tại Tổ 16, khu vực 3, phường G, Tp. Q theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số GCN:CS01920 ngày 22/3/2018 đứng tên Nguyễn Thị T, có diện tích 67,65m² mà hiện nay chị đang quản lý sử dụng. Còn quyền sử dụng đất là tài sản thuộc sở hữu riêng của chị do cha mẹ chị tặng cho riêng vào năm 2011 và em chị là anh Nguyễn Văn H, chị Võ Thị Thanh B tặng cho riêng vào năm 2018 (theo Theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất ngày 24/02/2011 và theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 24/01/2018). Nay chị yêu cầu Tòa giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn theo quy định của pháp luật. Chị không đồng ý giá trị

nhà, đất tại 89 Ngô Mây, thành phố Q theo biên bản định giá ngày 24/10/2018. Theo chi giá trị nhà, đất theo thị trường hiện nay là 4.000.000.000đồng. Chi xin nhận nhà và đất trên và thối tiền lại cho anh T $\frac{1}{2}$ giá trị. Nếu anh T nhận nhà, đất thì chi ưu tiên cho anh T nhận với giá 3.500.000.000đồng và thối tiền lại cho chi $\frac{1}{2}$ giá trị. Còn giá trị xây dựng ngôi nhà tại tổ 16, khu vực 3, phường G, Tp. Q, chi thống nhất giá trị xây dựng theo biên bản định giá ngày 24/10/2018 là 750.707.627đồng, chi xin nhận nhà và đồng ý thối tiền lại cho anh T $\frac{1}{2}$ giá trị là 375.353.813đồng.

Tại bản khai ngày 22/6/2017 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa bị đơn anh Đinh Văn T trình bày: Thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn như chi T đã khai. Anh và chi T đăng ký kết hôn số 29/26.04.2, ngày 26/4/1989 tại UBND phường Q, Tp. Q, tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau về cách sống, lối sống và cách dạy con cái nên dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt dần và vợ chồng tự sống ly thân 6 năm sau đó hợp lại nhưng tình cảm vẫn không được cải thiện. Đến tháng 01/2016 mâu thuẫn vợ chồng gay gắt và tự sống ly thân đến nay không ai quan tâm đến ai.

Nay chi T xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên: Đinh Thị Thanh T, sinh ngày: 10/4/1991, sức khỏe bình thường. Hiện nay con chung đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 ngôi nhà tại 89 Ngô Mây, Tp. Q theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3701040154 ngày 11/10/1997 do UBND tỉnh Bình Định cấp đứng tên Đinh Văn T, Nguyễn Thị T, có diện tích 38,58m² mà hiện nay anh đang quản lý, sử dụng. Về nguồn gốc ngôi nhà, đất này là của mẹ anh là bà Văn Thị N mua vào năm 2003 cho vợ chồng anh đứng tên và giá trị xây dựng nhà tại Tổ 16, khu vực 3, phường G, Tp. Q theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 00159 do UBND thành phố Q cấp ngày 07/4/2011 đứng tên Nguyễn Thị T, có diện tích 61,5m² mà hiện nay chi T đang quản lý sử dụng. Còn về nguồn gốc đất này là của cha mẹ chi T tặng cho riêng chi T vào năm 2011. Năm 2018 em chi T là anh H và chi B tặng cho riêng chi T thêm 6,15m². Tổng cộng là 67,65m². Khi ly hôn anh yêu cầu Tòa chia tài sản chung của vợ chồng theo giá trị hai biên bản định giá ngày 24/10/2018. Tại phiên Tòa anh đồng ý chia giá trị xây dựng ngôi nhà thuộc tổ 16, KV3, P. G, Tp. Q theo biên bản định giá ngày 24/10/2018 là 750.707.627đồng chia mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị, anh xin nhận bằng tiền, riêng quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số GCN:CS01920 ngày 22/3/2018 đứng tên Nguyễn Thị T, có diện tích 67,65m² thì anh đồng ý là tài sản riêng của chi T nên anh không tranh chấp. Còn nhà, đất tại 89 Ngô Mây, thành phố Q tuy là của mẹ anh cho vợ chồng đứng tên nhưng anh không có chứng cứ chứng minh nên anh cũng thống nhất nhà, đất trên là tài sản chung của vợ chồng. Ly hôn anh đồng ý giá trị nhà, đất trên

là 3.500.000.000 đồng và đồng ý chia mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị, anh xin nhận nhà, đất và thời tiền lại cho chị T $\frac{1}{2}$ giá trị là 1.750.000.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn anh Đinh Văn T: Ông Hồ Văn H – Luật sư cộng tác viên của Trung tâm tư vấn pháp luật Hội luật gia tỉnh Bình Định thống nhất như ý kiến và yêu cầu của anh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn H, chị Võ Thị Thanh B trình bày: Anh H là em ruột, chị B là em dâu của chị T. Việc chị T xin ly hôn và chia tài sản khi ly hôn với anh Đinh Văn T có liên quan đến phần quyền sử dụng đất 6,15m² của vợ chồng anh, chị tặng cho riêng chị T theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đã được phòng công chứng số 1 chứng thực ngày 24/01/2018 và đã hoàn thành thủ tục theo quy định pháp luật. Vợ chồng anh, chị cũng không tranh chấp, khiếu nại gì về phần diện tích đất 6,15m² đã tặng cho chị T.

- Anh Nguyễn Bá H, chị Đinh Thị Thanh T trình bày: Anh chị là con rể và con gái của chị T và anh T. Anh, chị hiện đang ở tại 70/13 Hàn Mạc Tử, thuộc tổ 16, KV3, P. G, Tp. Q, Bình Định. Việc cha mẹ của anh chị là chị T, anh T ly hôn, chia tài sản khi ly hôn thì anh chị không có ý kiến gì. Về việc tranh chấp tài sản đối với nhà, đất tại 70/13 Hàn Mạc Tử, thuộc tổ 16, KV3, P. G, Tp. Q, Bình Định có diện tích 67,65m² mà hiện nay vợ chồng anh chị đang quản lý sử dụng có nguồn gốc đất là của ông bà ngoại là Nguyễn Văn T và Võ Thị T tặng cho riêng mẹ Nguyễn Thị T (có hợp đồng tặng cho). Về nguồn tiền xây ngôi nhà trên là một phần tiền của cha mẹ và một phần là tiền vay Ngân hàng. Trước khi cha mẹ anh chị mâu thuẫn nhau thì cha mẹ có nói miệng là cho vợ chồng anh chị ở ngôi nhà này và có trách nhiệm trả khoản nợ vay Ngân hàng. Số tiền vợ chồng anh chị trả Ngân hàng khoảng 250.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh. Nay anh chị cũng không có tranh chấp gì về số tiền mà anh chị đã trả nợ cho Ngân hàng.

- Anh Nguyễn Ngọc N trình bày: Giữa anh với anh Đinh Văn T có quan hệ bà con họ hàng với nhau, anh gọi anh T bằng chú họ. Vào tháng 6/2017 anh và anh T có thỏa thuận miệng với nhau về việc anh T cho anh thuê mặt tiền nhà 89 Ngô Mây, thành phố Q. Mục đích thuê là để anh mở tiệm Photocopy, hàng tháng anh phải trả tiền điện, nước và đưa cho anh T từ 1 triệu đến 1,5 triệu đồng/ tháng. Hai bên thỏa thuận khi nào vợ chồng anh T, chị T giải quyết xong việc ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn, anh T đòi lại mặt tiền thì anh sẽ trả.

- Ông Võ Duy H - Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam trình bày: Vào ngày 30/12/2014 vợ chồng ông Đinh Văn T và bà Nguyễn Thị T vay. Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Tài (Nay là Chi nhánh Q) 500 triệu đồng, thời hạn vay 09 tháng để mua bán hàng nông sản. Tài sản thế chấp là nhà và đất tại 89 Ngô Mây, thành phố Q, Bình Định theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 3701040154, hồ sơ gốc số: 45/XD10 do UBND tỉnh Bình Định cấp ngày 11/10/1997. Ngân hàng tiến hành thẩm

định và ký hợp đồng tín dụng số 461/HĐTD ngày 15/12/2014 cho ông T, bà T. Ngày 28/10/2015, ông T, bà T đã trả hết nợ vay HĐTD số: 461/HĐTD ngày 15/12/2014 và đề nghị vay 300 triệu đồng, thời hạn vay 12 tháng để mua bán nông sản, tài sản thế chấp là nhà và đất tại 89 Ngô Mây, thành phố Q, Bình Định. Ngân hàng tiến hành thẩm định và ký hợp đồng tín dụng số 393/HĐTD ngày 28/10/2015 cho ông T, bà T vay 300 triệu đồng, thời hạn vay 12 tháng, tài sản thế chấp là nhà và đất tại 89 Ngô Mây, thành phố Q, Bình Định. Ngày 08/9/2016 ông T, bà T đã trả hết nợ cho Ngân hàng nhưng ông T, bà T chưa có nhu cầu nhận lại giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 3701040154, hồ sơ gốc số: 45/XD10 do UBND tỉnh Bình Định cấp ngày 11/10/1997. Nay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Q xác nhận ông T, bà T đã hoàn tất các nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam - Chi nhánh Q. Hiện Ngân hàng đang giữ giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 3701040154, hồ sơ gốc số: 45/^{XD}10 do UBND tỉnh Bình Định cấp ngày 11/10/1997.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Văn Thị N, Tòa đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo theo quy định của pháp luật yêu cầu bà Văn Thị N đến Tòa làm việc nhiều lần nhưng bà N không đến nhưng bà N có đơn xin vắng mặt.

+ *Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên Thẩm phán có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:*

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Văn T.

- Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung tên: Đinh Thị Thanh T, sinh ngày: 10/4/1991. Hiện nay con chung đã trưởng thành nên anh, chị không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa về việc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn như sau:

+ Chị T được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại Tổ 16, khu vực 3, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định và thanh toán lại cho anh T 375.353.813 đồng

+ Anh T được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại 89 Ngô Mây, thành phố Q, tỉnh Bình Định và thanh toán lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền 1.750.000.000đồng.

- Về án phí : Chị T và anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Đinh Thị Thanh T, anh Nguyễn Bá H, anh Nguyễn Văn H, chị Võ Thị Thanh B; anh Nguyễn Ngọc N , Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Người đại diện theo ủy quyền Ông Võ Duy H, bà Văn Thị N – Là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều có đơn xin vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Văn T là hôn nhân hợp pháp. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh T và được anh T đồng ý ly hôn. Đây là sự tự nguyện của hai bên đương sự phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được HĐXX công nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh T thống nhất vợ chồng có 01 con chung: Đinh Thị Thanh T, sinh ngày: 10/4/1991, hiện nay đã trưởng thành nên anh, chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4] Về chia tài sản:

[4.1] Về nguồn gốc nhà và đất tại 89 Ngô Mây, thành phố Q, diện tích 38,58m² theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3701040154 cấp ngày 11/10/1997, đứng tên Nguyễn Thị T, Đinh Văn T, diện tích 38,58m², có từ cận: Đông giáp nhà ông T, tây giáp nhà bà N, Nam giáp nhà ông T, Bắc giáp đường Ngô Mây. Theo chị T nhà và đất trên là của vợ chồng tạo lập nên trong thời kỳ hôn nhân theo Hợp đồng mua bán nhà ở đã được Phòng Công chứng chứng nhận ngày 15/9/2003 . Còn anh T khai rằng: Nguồn tiền mua nhà và đất trên là của mẹ anh là bà Văn Thị N bán ngôi nhà ở đường Ngô Mây nói dài cho vợ chồng anh để mua nhà 89 Ngô Mây, nhưng anh T không có chứng cứ chứng minh là của mẹ anh cho vợ chồng. Tại phiên Tòa chị T và anh T đều thống nhất nhà và đất tại 89 Ngô Mây, thành phố Q trị giá 3.500.000.000đồng là tài sản chung của vợ chồng và thống nhất anh T nhận nhà, đất trên và thối tiền lại cho chị T 1.175.000.000đồng là phù hợp với quy định tại Điều 27 và Điều 95 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được HĐXX công nhận.

[4.2] Về nguồn gốc đất tại 70/13 Hàn Mạc Tử, thuộc tổ 16, khu vực 3, phường G, thành phố Q theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số GCN:CS01920 ngày 22/3/2018 đứng tên Nguyễn Thị T, có diện tích 67,65m² là của cha mẹ chị T và anh H, chị B tặng cho riêng chị T (Theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất ngày 24/02/2011 và theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 24/01/2018). Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa chị T và anh T đều thống nhất quyền sử dụng đất trên là tài

sản riêng của chị T. Còn nguồn tiền để xây dựng ngôi nhà là do anh chị vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Tài (Nay là Chi nhánh Q) 500.000.000đồng và tiền tiết kiệm của hai vợ chồng khoảng 250.000.000đồng. Chị T và anh T đã trả nợ Ngân hàng xong. Tại phiên tòa chị T và anh T thống nhất giá trị xây dựng nhà tại 70/13 Hàn Mạc Tử, phường G, thành phố Q theo biên bản định giá ngày 24/10/2018 là 750.707.627đồng là tài sản chung của vợ chồng và thống nhất chị T nhận nhà và thối lại cho anh T $\frac{1}{2}$ giá trị là 375.353.813đồng. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên đương sự và phù hợp với quy định tại các Điều 32, 27, 95 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 33, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 467 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 459 của BLDS năm 2015 nên được HĐXX công nhận.

Như vậy anh Đinh Văn T được quyền sở hữu và quyền sử dụng đất tọa lạc tại 89 Ngô Mây thành phố Q theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3701040154 ngày 11/10/1997 do UBND tỉnh Bình Định cấp đứng tên Đinh Văn T và Nguyễn Thị T có trị giá 3.500.000.000đồng và anh T có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị T 1.750.000.000đồng.

[4.3] Chị Nguyễn Thị T được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại 70/13 Hàn Mạc Tử, thuộc tổ 16, khu vực 3, phường G, thành phố Q theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số GCN:CS01920 ngày 22/3/2018 đứng tên Nguyễn Thị T là tài sản riêng của chị T, có diện tích 67,65m² và có nghĩa vụ thanh toán lại cho anh T $\frac{1}{2}$ giá trị xây dựng nhà là 375.353.813đồng. Sau khi khấu trừ số tiền chị T phải thối lại cho anh T thì anh T có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị T 1.750.000.000đồng - 375.353.813đồng = 1.374.646.000đồng (làm tròn số).

[4.4] Đối với số tiền vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Q. Chị T và anh T đã thanh toán xong không yêu cầu Tòa giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4.5] Đối với Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 3701040154 ngày 11/10/1997 do UBND tỉnh Bình Định cấp đứng tên Nguyễn Thị T, Đinh Văn T mà hiện nay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Q đang giữ. Tài liệu này Ngân hàng chuyển giao đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q khi Bản án có hiệu lực pháp luật để anh T nhận thực hiện việc thay đổi đăng ký tên người sở hữu và sử dụng theo quy định của pháp luật sau khi thanh toán xong cho chị Nguyễn Thị T số tiền 1.374.646.000đồng.

[4.6] Về việc anh Nguyễn Ngọc N thuê nhà 89 Ngô Mây, thành phố Q làm nghề photocopy, các đương sự không yêu cầu tranh chấp gì nên HĐXX không xem xét.

[4.7] Về việc anh Nguyễn Văn H, chị Võ Thị Thanh B tặng cho riêng chị T 6,15m² đất nhưng không yêu cầu tranh chấp gì nên HĐXX không xem xét.

[4.8] Về việc chị Đinh Thị Thanh T, anh Đinh Bá H là người đang sử dụng ngôi nhà tại 70/13 Hàn Mạc Tử, thuộc tổ 16, khu vực 3, phường G, thành phố Q khai có trả

nợ Ngân hàng nhưng không có chứng cứ chứng minh cho việc trả nợ vay của chị T, anh T nên không yêu cầu. Tòa không giải quyết.

[5] Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị T đã tạm ứng 13.000.000đồng. Chị T đã tự nguyện chịu (đã nộp xong)

[6] Về án phí :

Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí chia tài sản . Anh Đinh Văn T phải chịu án phí chia tài sản theo quy định tại các Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 33, 55, 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 27, 32, 95 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 467 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 459, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Văn T.

2. Về con chung: Chị T và anh T thống nhất vợ chồng có 01 con chung: Đinh Thị Thanh T, sinh ngày: 10/4/1991, hiện nay đã trưởng thành nên anh, chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

3. Về chia tài sản: Công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh T về việc chia tài sản cụ thể như sau:

3.1. Công nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại 89 Ngô Mây, thành phố Q, tỉnh Bình Định theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3701040154 ngày 11/10/1997 do UBND tỉnh Bình Định cấp đứng tên Đinh Văn T, Nguyễn Thị T, có diện tích 38,58m², trị giá 3.500.000.000đồng là tài sản chung của vợ chồng chị T và anh T.

3.2. Công nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 186, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại Tổ 16, khu vực 3, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định, diện tích 67,65m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS01920 ngày 22/3/2018 là tài sản riêng của chị Nguyễn Thị T. Nhà làm trên đất trị giá 750.707.627đồng là tài sản chung của vợ chồng chị T và anh T.

3.3. Anh Đinh Văn T được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại 89 Ngõ Mây, thành phố Q, tỉnh Bình Định và có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền 1.750.000.000đồng.

3.4. Chị Nguyễn Thị T được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại Tổ 16, khu vực 3, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định và có nghĩa vụ thanh toán lại cho anh T $\frac{1}{2}$ giá trị xây dựng là 375.353.813đồng. Như vậy sau khi khấu trừ thì anh Đinh Văn T phải thanh toán lại cho chị Nguyễn Thị T là 1.750.000.000đồng - 375.353.813đồng = 1.374.646.000đồng.

3.5. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Q chuyển giao giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3701040154 ngày 11/10/1997 do UBND tỉnh Bình Định cấp đứng tên Đinh Văn T và Nguyễn Thị T đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q khi Bản án có hiệu lực pháp luật để anh T nhận thực hiện việc thay đổi đăng ký tên người sở hữu và sử dụng theo quy định của pháp luật sau khi thanh toán xong cho chị Nguyễn Thị T số tiền 1.374.646.000đồng.

4. Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị T đã tạm ứng 13.000.000đồng. Chị T đã tự nguyện chịu (đã nộp xong)

5. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai số 0004553 ngày 11/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

6. Về án phí chia tài sản:

6.1. Chị Nguyễn Thị T phải nộp 74.507.000đồng án phí chia tài sản nhưng được trừ vào số tiền 25.875.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0004966 ngày 12/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q. Như vậy chị T còn phải nộp 48.632.000đồng.

6.2. Anh Đinh Văn T phải nộp 74.507.000đồng án phí chia tài sản.

7. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDTp.Q;
- UBND P.Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hương

Nơi nhận:

- VKSNDTP.Quy Nhơn
- UBND P.Quang Trung
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hương